

HIỂU BIẾT VỀ VĂN HOÁ ĐẤT NƯỚC HỌC TIẾNG ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN NGOẠI NGỮ BẬC PHỔ THÔNG

TS. NGUYỄN XUÂN HÒA

Trường ĐHKHXH - NV- ĐHQG Hà Nội

1. Vị trí của môn ngoại ngữ trong nền giáo dục nói chung và nền giáo dục phổ thông nói riêng rất quan trọng. Thủ tướng Phạm Văn Đồng trong lần đến thăm Trường Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội (13-1-1972) đã nhấn mạnh đến tính cần thiết *không thể thiếu* của môn ngoại ngữ ở bậc phổ thông: “*Đối với ta, ngoại ngữ là một môn rất quan trọng, rất cần thiết, rất cấp bách... Bởi vì nếu không có ngoại ngữ ở trường phổ thông và nếu giáo dục phổ thông của ta thiếu ngoại ngữ thì chưa phải là phổ thông*” [Dẫn theo 2; 34]. Chính vì vậy việc đào tạo một đội ngũ giáo viên ngoại ngữ bậc phổ thông có trình độ chuyên môn giỏi có ý nghĩa to lớn đối với việc trang bị kiến thức và kỹ năng ngoại ngữ cho học sinh trước khi họ học tiếp ngoại ngữ ở bậc đại học.

Ngôn ngữ là công cụ giao tiếp quan trọng nhất của loài người. Ngoại ngữ với tư cách là ngôn ngữ của người bản ngữ khác là *công cụ giao tiếp mới* mà những người đầu tiên lãnh trách nhiệm trang bị cho học sinh ngoại ngữ chính là giáo viên bậc phổ thông. Ngoài những yêu cầu về kiến thức và kỹ năng ngoại ngữ đòi hỏi phải có đối với người giáo viên thì những hiểu biết về văn hoá đất nước học tiếng không kém phần quan trọng, thậm chí đôi khi không thể thiếu được trong giao tiếp với người bản ngữ khác. Ngôn ngữ vừa là công cụ giao tiếp vừa là sản phẩm văn hoá - xã hội được mỗi dân tộc lưu giữ trong cộng đồng như một khế ước xã hội mà người bản ngữ phải tuân theo khi giao tiếp. Như vậy, cung cấp những tri thức văn hoá - xã hội của đất nước mà học sinh học tiếng trong quá trình dạy ngoại ngữ sẽ góp phần đem lại hiệu quả cao trong giao tiếp, tránh được những lỗi xuyên văn hoá (Cross-Cultural errors) làm cản trở giao tiếp, nếu thường xuyên mắc lỗi xuyên văn hoá sẽ dẫn đến tác hại tạo nên cố tật (lapses) khó chữa vì đã ăn sâu vào tiềm thức người học.

2. Những điều vừa nói trên cho thấy, học ngoại ngữ không chỉ nhận thức và sử dụng một công cụ giao tiếp như một hệ thống ký hiệu mới (ngoại ngữ) so với công cụ giao tiếp sẵn có (tiếng mẹ đẻ), mà còn tiếp nhận những nhân tố văn hoá - xã hội ngoài ngôn ngữ của một nền văn hoá khác. Do đó, người giáo viên ngoại ngữ cần có ý thức tiếp cận với nền văn hoá của đất nước học tiếng để có được một hiểu biết nhất định, càng nhiều càng tốt, về nền văn hoá ấy; đó chính là cách tốt nhất làm quen dần và tích lũy cho người học những hiểu biết về mối quan hệ giữa ngôn ngữ với những nhân tố văn hoá - xã hội ngoài ngôn ngữ bên cạnh những hiểu biết về hệ thống tri thức của cấu trúc ngôn ngữ đó (ngoại ngữ). Mối quan hệ này có tác động đến liên chủ thể nói trong giao tiếp, chính vì vậy khi dạy ngoại ngữ, kể cả ở bậc phổ thông, người giáo viên phải có ý thức đối chiếu hai nền văn hoá mỗi khi cần thiết. Đó là khi gặp những bối cảnh ngôn ngữ mà trong đó còn lưu giữ ở tiềm thức người bản ngữ những nhân tố con người và xã hội. Thí dụ: Khi chào hỏi người Việt quan tâm trước hết đến tuổi tác, vị thế xã hội của người giao tiếp để lựa chọn câu chào thích hợp: *Chào bác, chào thầy, chào anh...*; hoặc phổ biến hơn đối với những người quen biết chủ thể giao tiếp thường lựa chọn câu hỏi gắn với hoạt động đang diễn ra của đối tượng giao tiếp thay cho lời chào: *Chị đi chợ về? Anh đi lên lớp?*. Tình hình diễn ra hoàn toàn khác đối với người Nga: Theo [2], người Nga không quan tâm đến tuổi tác lắm, mà lại chú ý đến thời điểm gặp gỡ để chọn lời chào thích hợp: *Здравствуйте!* dùng để chào mọi người chưa quen biết không kể tuổi tác, hoặc dùng những câu *Доброе утро! Добрый день! Добрый вечер!* theo thời điểm gặp nhau. Rõ ràng chính thói quen tập tục văn hoá... khiến người Việt Nam đã có hành vi ứng xử lời nói khác với người Nga trong cùng một tình huống giao tiếp [2; 129]. Một thí dụ khác (mượn của Nguyễn Đức Tồn): một thực tập sinh Việt Nam học ở Liên Xô trước đây nhận dịp được nghỉ mấy ngày liên tiếp đã vui sướng báo tin cho thấy giáo người Nga của mình theo cách tư duy đặc sệt của người Việt do không thoát ra được những tri thức cố sẵn trong tiếng mẹ đẻ bằng một phát ngôn với lỗi giao thoa (Interlingual error) khá điển hình: *Chúng em được nghỉ bác cầu 3 ngày* làm thầy giáo tròn xoe mắt ngạc nhiên không thể nào hiểu nổi.

Một ví dụ khác về lỗi sai xuyên văn hoá do không hiểu được bối cảnh lời nói cụ thể quy định phải dùng cấu trúc câu như thế nào. Theo [4], trong một cuốn sách giáo khoa in ở nước ngoài Liên

Xô trước đây có câu *Время отправления поезда приближается* (1) (dịch từng từ - Thời gian tàu hoả khởi hành đang đến gần) trong bối cảnh tàu hoả sắp sửa lăn bánh. Phân tích phát ngôn này về cấu trúc câu thì dường như không sai, song đối với người Nga phát ngôn này nghe có vẻ kỳ lạ. Vấn đề là người Nga trong bối cảnh tương tự thường hay sử dụng những câu kiểu như *До отправления поезда осталось пять минут* hoặc *До отправления поезда осталось две минуты*. Như vậy, không phải bản thân câu (1) ở đây không đúng, mà là mối quan hệ của câu với bối cảnh lời nói không đúng, và việc lựa chọn những phương tiện biểu đạt trong quan hệ với hoàn cảnh và điều kiện của lời nói cũng không đúng. Cho nên nếu chúng ta muốn nói một cách cô đọng thực chất lời này thì có thể nói rằng: có thể nói như vậy được (tức là như câu (1) - NXH), nhưng không phải nói trong bối cảnh lời nói này [4;17].

3. Những lỗi xuyên văn hoá thường gặp của sinh viên Việt Nam khi chuyển từ bậc phổ thông lên bậc đại học cho thấy, việc giáo dục ngoại ngữ ở bậc phổ thông ở mức độ nào đó còn khiếm khuyết. Nguyên nhân một phần do trình độ hiểu biết chung về nền văn hoá của các nước học tiếng ở đội ngũ giáo viên ngoại ngữ bậc phổ thông còn hạn chế. Việc bồi dưỡng, đào tạo lại, việc mở các lớp tập huấn để nâng cao trình độ chuyên môn ngoại ngữ cho họ là cần thiết và cần đặt ra định kỳ. Trong một luận văn Thạc sĩ ngữ văn mới bảo vệ gần đây [1], tác giả luận văn đã khảo sát một số lỗi thường gặp về giao tiếp xuyên văn hoá của sinh viên Việt Nam nói tiếng Anh, bao gồm những lỗi xuyên văn hoá được biểu hiện ở cách tư duy về trật tự thời gian, không gian trong việc tạo câu; ở cách tư duy về các hoạt động trong câu; ở cách tư duy "vượt tuyến" (overgeneralization) [1;3], tức là áp đặt một mô hình chung của các câu cho tất cả các hiện tượng mà trực cảm nhận thấy là giống nhau [1;61]; ở cách sử dụng câu vô nhân xưng và câu bị động; ở sự thiếu hụt tri thức văn hoá - xã hội - dân tộc; và ở quan niệm khác nhau về hành vi ứng xử giữa người Anh và người Việt [1;4].

Đơn cử một thí dụ về cách dùng sai từ do thiếu hụt tri thức đời sống hoặc do vi phạm chuẩn mực về đời sống của mỗi dân tộc. Chẳng hạn, khi sử dụng một từ tiếng Anh, do nội hàm nghĩa của từ này được người Việt "hiểu" theo nghĩa một từ tương đương dẫn đến làm cho giao tiếp có thể bị cản trở: trong tư duy của người Anh từ *family* chỉ bao gồm "một thế hệ", trong khi đó thì từ *gia đình* của người Việt bao gồm có thể "một thế hệ" nhưng cũng có thể "hai, ba, bốn thế hệ" [1;30]. Đúng như *Потебня А. А.* đã viết, từ của ngôn ngữ này không chống khít lên từ của ngôn ngữ kia [5] xét về phương diện ngữ nghĩa và hành chức. Chính ở đây với những yếu tố bổ sung từ cách nhìn nhận thực tế khách quan được lưu giữ trong tiềm thức người bản ngữ, hoạt động của nghĩa vị tiềm năng của từ làm bộc lộ đậm nét nhất đặc trưng văn hoá dân tộc (*Family* trong tiếng Anh được hiểu là nhóm gồm bố mẹ và con cái; trong khi *gia đình* trong tiếng Việt được hiểu là những người có quan hệ hôn nhân và huyết thống sống trong cùng một nhà). Vì vậy, đối với người dạy và học ngoại ngữ muốn hoà nhập vào nền văn hoá của một dân tộc khác thì phải nắm được những chuẩn hành vi của họ - nghĩa là phải *nhập gia tùy tục*, sử dụng từ và lập những phát ngôn trong giao tiếp đúng với khế ước xã hội của cộng đồng người bản ngữ khác.

4. Tóm lại, những nhân tố văn hoá - xã hội được tàng trữ trong tiềm thức mỗi cộng đồng dân tộc nói lên cách nhìn nhận khác nhau trong việc phản ánh thực tại khách quan bằng hình thức ngôn ngữ. Giáo viên ngoại ngữ bậc phổ thông tuy theo điều kiện cần thường trực ý thức nâng cao những hiểu biết về văn hoá của đất nước học tiếng để thực hiện tốt lời dạy của cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng về học môn ngoại ngữ ở trường phổ thông.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Bùi Hồng ánh. Khảo sát một số lỗi thường gặp của sinh viên Việt Nam nói tiếng Anh nhìn từ góc độ giao tiếp xuyên văn hoá.* Luận văn Thạc sĩ khoa học ngữ văn. Trường ĐHKHXH - NV (ĐHQG Hà Nội). Hà Nội, 2001, 107 trang.
2. *Bùi Hiến. Phương pháp hiện đại dạy học ngoại ngữ.* Nxb ĐHQG Hà Nội. Hà Nội, 1997.
3. *Nguyễn Xuân Hoà. Nhân tố văn hoá - xã hội trong đối chiếu ngôn ngữ.* Nội san Ngoại ngữ. ĐH Ngoại ngữ (Bộ GD-ĐT), số 12-2000, tr.66-71.
4. *Верещагин Е.М. Психология двуязычия и преподавание русского языка иностранцам.* Trong sách: Психологические вопросы обучения иностранцев русскому языку. М. Изд. Московского университета, 1972, с. 11-21.
5. *Потебня А.А. Из записок по русской грамматике. Т. 1-2. М. "Учпедгиз", 1958.*

* Tác giả luận văn dùng thuật ngữ "khái quát hoá quá mức" [1;3]